TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Lộc

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số D, tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: F, tổ G, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông P tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 205 ngày 16/10/2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống liên quan đến vấn đề tình cảm, công việc làm ăn. Qúa trình chung sống vợ chồng không có con chung nên tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay bà B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông P nhưng ông P không đến Tòa án để làm việc và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Bà B được ly hôn với ông P. Về con chung: Không có. Không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có địa chỉ tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn - ông Nguyễn Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông P tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 205 ngày 16/10/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà B thì thấy:

Theo bà B trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống liên quan đến các vấn đề về tình cảm, công việc làm ăn mà cả hai không thể giải quyết được. Hiện vợ chồng đã ly thân, không ai còn tâm gì đến ai nữa. Mặt khác quá trình chung sống với nhau, vợ chồng không có con chung. Nên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa và để cả hai có điều kiện xây dựng cuộc sống mới nên bà B yêu cầu được ly hôn ông P.

Còn theo kết quả xác minh của Tòa án cho thấy: Ông Phú hiện đang sinh sống tại F31, tổ G, ấp P, xã P, huyện L cùng với bố mẹ của ông P nhưng không thấy bà B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, phía ông P vắng mặt không có thiện chí hòa giải, còn phía bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông P.

Từ những phân tích trên, nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[3.3] Về con chung: Theo bà B xác nhận bà và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B đối với ông Nguyễn Văn P về việc "Tranh chấp ly hôn".

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn ông Nguyễn Văn P.

1.2 Về con chung: Không có. Không xem xét, giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004278 ngày 04/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Đương sự;
- UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Mỹ Tho